

NGHỊ QUYẾT

**Phê duyệt việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa
để thực hiện các dự án trên địa bàn tỉnh Thái Bình**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH
KHÓA XVII KỲ HỌP ĐỂ GIẢI QUYẾT CÔNG VIỆC PHÁT SINH ĐÓT XUẤT**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội giải thích một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết Luật Đất đai;

Xét Tờ trình số 167/TTr-UBND ngày 08 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt chuyển mục đích đất trồng lúa để thực hiện các dự án trên địa bàn tỉnh Thái Bình; Báo cáo thẩm tra số 26/BC-HĐND ngày 10 tháng 10 năm 2021 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt việc chuyển mục đích sử dụng 18,2 ha đất trồng lúa để thực hiện 27 dự án trên địa bàn tỉnh Thái Bình (có Danh mục chi tiết kèm theo).



Me

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện theo đúng quy định của pháp luật và chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và địa phương liên quan:

1. Chịu trách nhiệm về: Sự cần thiết, tính chính xác của hồ sơ, căn cứ pháp lý, đảm bảo các dự án trình Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định của pháp luật.

2. Rà soát đảm bảo: Chính xác tên dự án, địa điểm, diện tích; đúng quy hoạch; đúng mục đích sử dụng đất; đúng quy trình và đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật trước khi tổ chức thực hiện.

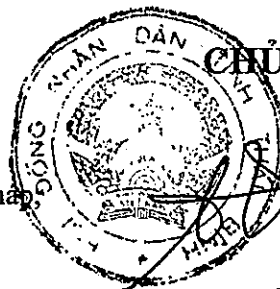
3. Tổ chức thực hiện, quản lý, sử dụng các diện tích đất đã được phê duyệt theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình Khóa XVII Kỳ họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất thông qua ngày 11 tháng 10 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày 22 tháng 10 năm 2021. /

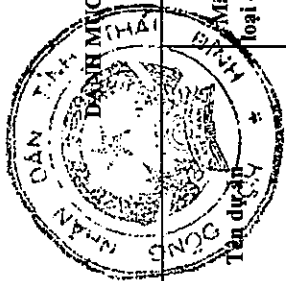
Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường; Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản Quy phạm pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- Thường trực Huyện ủy, Thành ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, thành phố;
- Ủy ban nhân dân huyện, thành phố;
- Báo Thái Bình; Công báo tỉnh; Cổng thông tin điện tử Thái Bình; Trang thông tin điện tử Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Lưu: VTVP.



CHỦ TỊCH

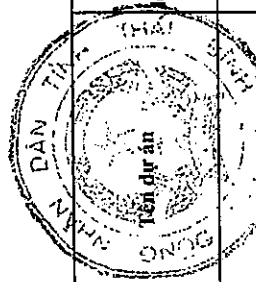
Nguyễn Tiến Thành



CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA ĐỀ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THÁI BÌNH
(Kèm theo Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 10 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

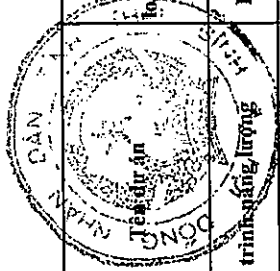
TT	 Tên dự án Mã loại đất	Địa điểm thực hiện			Tổng diện tích	Diện tích đất sử dụng (m2)				Ghi chú	
		Xứ đồng, thôn	Xã, phường, thị trấn	Huyện, thành phố		Trong đó lấy từ loại đất					
						Trồng lúa	Đất rừng	Đất ở	Đất khác		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
I	Đất giao thông	DGT				77.529,4	61.882,8		2.427,0	13.219,6	
1	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường kết nối từ Khu công nghiệp Tiên Hải đi cảng nội địa Trà Lý (đoạn từ đường huyện ĐH.31 đến đường tỉnh ĐT.464)	DGT		Tây Ninh, Tây Lương, Đông Quý	Tiên Hải	8.000,0	8.000,0				Quyết định số 7946/QĐ-UBND ngày 16/12/2020 của UBND huyện Tiên Hải
2	Dự án cải tạo, nâng cấp đường tỉnh ĐT.464 (đường 221D), đoạn từ xã Đông Xuyên đến đường ven biển xã Đông Minh	DGT		Đông Xuyên	Tiên Hải	31.200,0	31.200,0				Quyết định số 2279/QĐ-UBND ngày 17/9/2021 của UBND tỉnh
3	Dự án đường cứu hộ, cứu nạn Đông Trà, Đông Xuyên kéo dài dải giao đường cứu hộ, cứu nạn 221D (đường huyện ĐH.31)	DGT		Đông Trà, Đông Xuyên, Đông Trung	Tiên Hải	19.100,0	16.200,0			2.900,0	Quyết định số 3224/QĐ-UBND ngày 14/5/2021 của UBND huyện Tiên Hải
4	Đường cứu hộ, cứu nạn đoạn từ Quốc lộ 39 đến đê sông Trà Lý xã Đông Hoàng huyện Đông Hưng	DGT	Thái Hòa 1, Hùng Việt, Thanh Long	Đông Hoàng	Đông Hưng	4.000,0	1.000,0		100,0	2.900,0	Quyết định số 1126/QĐ-UBND ngày 04/02/2021 của UBND huyện Đông Hưng
5	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường tỉnh 454 (đường 223), đoạn từ thành phố Thái Bình đi cầu Sa Cao	DGT		Trần Lãm, Vũ Chính	Thành phố	15.229,4	5.482,8		2.327,0	7.419,6	Quyết định số 3709/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh
II	Đất khu công nghiệp	SKK				57.524,2	52.081,1			5.443,1	
6	Công ty TNHH công nghệ gốm sứ OHIO	SKK	Khu công nghiệp	Thị trấn	Tiên Hải	12.000,0	12.000,0				Quyết định số 43/QĐ-BQLKKT ngày 05/4/2019 của Ban quản lý khu kinh tế và các KCN tỉnh

Nguy



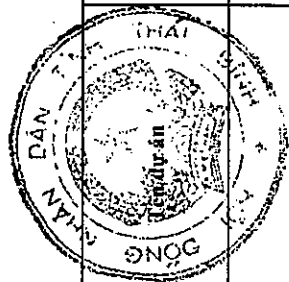
TT	Tên dự án	Mã loại đất	Địa điểm thực hiện			Tổng diện tích	Diện tích đất sử dụng (m2)				Ghi chú
			Xã, phường, thị trấn	Huyện, thành phố	Trong đó lấy từ loại đất						
					Trồng lúa		Đất rừng	Đất ở	Đất khác		
7	Dự án đầu tư nhà máy sản xuất gia công cơ khí, kết cấu thép công nghệ cao của Công ty cổ phần phát triển đầu tư và xây lắp Tiến Thịnh	SKK	KCN Phúc Khánh	Thành phố	8.410,0	8.069,7				340,3	Quyết định số 49/QĐ-BQLKKT ngày 25/4/2019 của Ban quản lý khu kinh tế và các KCN tỉnh
8	Dự án đầu tư văn phòng CONTAINER và hàng rào thép của Công ty cổ phần đầu tư xây dựng VINASPACE	SKK	KCN Phúc Khánh	Thành phố	24.270,4	20.125,0				4.145,4	Quyết định số 123/QĐ-BQLKKT ngày 28/11/2019 của Ban quản lý khu kinh tế và các KCN tỉnh
9	Dự án đầu tư nhà máy sản xuất thiết bị trường học của Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng Quý Hà	SKK	KCN Phúc Khánh	Thành phố	12.843,8	11.886,4				957,4	Quyết định số 31/QĐ-BQLKKT ngày 17/4/2018 của Ban quản lý khu kinh tế và các KCN tỉnh
III	Đất ở tại nông thôn	ONT			30.200,0	25.100,0				5.100,0	
10	Điểm đầu nối thuộc dự án khu nhà ở Đông La	ONT	Đông La	Đông Hưng	2.000,0	1.200,0				800,0	Văn bản số 351/UBND-CT ngày 10/9/2013 của UBND huyện Đông Hưng chấp thuận dự án đầu tư; Văn bản số 2687/UBND-KTXD ngày 05/6/2020 của UBND tỉnh
11	Dự án phát triển nhà ở thương mại khu dân cư phía Đông đường ĐT 457, xã Bình Minh	ONT	Bình Minh	Kiến Xương	28.200,0	23.900,0				4.300,0	Văn bản số 446/UBND-CTXDGT ngày 31/01/2019 của UBND tỉnh
IV	Đất thủy lợi	DTL			940,0	680,0				260,0	
12	Kè chống sạt lở bờ sông Sa Lung	DTL	Đông Mỹ	Thành phố	940,0	680,0				260,0	Quyết định số 929/QĐ-UBND ngày 09/4/2021 của UBND tỉnh

nguy



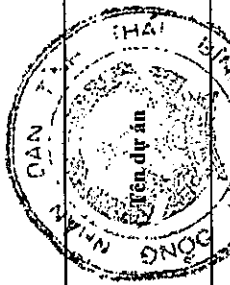
TT	Mã loại đất	Địa điểm thực hiện			Tổng diện tích	Diện tích đất sử dụng (m2)				Ghi chú
		Xứ đông, thôn	Xã, phường, thị trấn	Huyện, thành phố		Trồng lúa	Đất rừng	Đất ở	Đất khác	
V	Đất công trình-săng/lương				40.205,7	36.307,8		680,0	3.217,9	
13	Đường dây và TBA 110kV Châu Giang, tỉnh Thái Bình		Các xã	Đông Hưng	7.300,0	7.200,0			100,0	Văn bản số 1101/SCT-QLĐN ngày 17/9/2021 của Sở Công thương; Quyết định số 2143/QĐ-EVNNPC ngày 27/8/2021 của Tổng công ty Điện lực miền Bắc
14	Năng cấp, cải tạo mạch vòng 475E11.3 (trạm 110kV Thành Phố) và 475E3.3 (Trạm 110kV Long Bối)		Các xã	Đông Hưng	200,0	100,0			100,0	Văn bản số 1169/SCT-QLĐN ngày 28/9/2021 của Sở Công thương; Quyết định số 1060/QĐ-EVNNPC ngày 10/5/2021 của Tổng công ty Điện lực miền Bắc
15	Năng cao độ tin cậy cung cấp điện, lưới điện 22kV các lộ ĐZ 472E3.3 (trạm 110kV Long Bối), 474E3.3, 472E11.8 (Trạm 110kV Quỳnh Phụ) phương án đa chia - đa nối (MCMĐ) - năm 2021		Các xã	Đông Hưng	1.350,0	1.300,0			50,0	Văn bản số 1169/SCT-QLĐN ngày 28/9/2021 của Sở Công thương; Quyết định số 1060/QĐ-EVNNPC ngày 10/5/2021 của Tổng công ty Điện lực miền Bắc
16	Năng cao hiệu quả lưới điện trung, hạ áp khu vực Thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình thuộc dự án Cải tạo lưới điện phân phối tại các thành phố vừa và nhỏ - Giai đoạn 1 vay vốn Ngân hàng tái thiết Đức (KFW3)		Các xã	Thành phố	1.195,0	1.150,0		40,0	5,0	Văn bản số 2474/PTB-KHVT ngày 22/9/2021 của Công ty Điện lực Thái Bình; Quyết định số 3718/QĐ - EVN ngày 27/1/2016 của Tổng công ty Điện lực miền Bắc

ng



TT	Mã loại đất	Địa điểm thực hiện			Tổng diện tích	Diện tích đất sử dụng (m2)				Ghi chú
		Xứ đồng, thôn	Xã, phường, thị trấn	Huyện, thành phố		Trồng lúa	Đất rừng	Đất ở	Đất khác	
17	DNL		Thái Xuyên, Thái Hưng, Hòa An, Mỹ Lộc, Thái Độ...	Thái Thụy	14.700,0	14.700,0				Văn bản số 1101/SCT-QLEN ngày 17/9/2021 của Sở Công thương; Quyết định số 2736/QĐ-EVNNPC ngày 06/10/2020 của Tổng công ty Điện lực miền Bắc
18	DNL		Thủy Liên, Thị trấn Diêm Điền...	Thái Thụy	5.200,0	4.900,0			300,0	Văn bản số 2417/UBND-CTXDGT ngày 14/6/2021 của UBND tỉnh
19	DNL		Đồng Thọ, Đồng Hòa, Hoàng Diệu, Vũ Đông, Vũ Lạc	Thành phố	5.840,7	3.137,8		540,0	2.162,9	Quyết định số 3710/QĐ-EVNNPC ngày 29/12/2020 của Tổng công ty Điện lực miền Bắc
20	DNL		Các xã	Thái Thụy	350,0	300,0			50,0	Quyết định số 1371/QĐ-EVNNPC ngày 13/7/2021 của Tổng công ty Điện lực miền Bắc
21	DNL		Các xã	Hưng Hà	350,0	300,0			50,0	Quyết định số 1371/QĐ-EVNNPC ngày 13/7/2021 của Tổng công ty Điện lực miền Bắc
22	DNL		Các xã	Hưng Hà	500,0	400,0			100,0	Quyết định số 1371/QĐ-EVNNPC ngày 13/7/2021 của Tổng công ty Điện lực miền Bắc
23	DNL		Các xã	Quỳnh Phụ	650,0	600,0			50,0	Quyết định số 1060/QĐ-EVNNPC, ngày 10/5/2021 của Tổng công ty Điện lực miền Bắc
24	DNL		Các xã	Quỳnh Phụ	560,0	500,0			60,0	Quyết định số 1060/QĐ-EVNNPC, ngày 10/5/2021 của Tổng công ty Điện lực miền Bắc

Handwritten signature/initials



TT	 Tên dự án	Mã loại đất	Địa điểm thực hiện			Tổng diện tích	Diện tích đất sử dụng (m2)				Ghi chú
			Xã, phường, thị trấn	Huyện, thành phố	Trong đó lấy từ loại đất						
					Xứ đồng, thôn		Đất rừng	Đất ở	Đất khác		
25	Cải tạo hàng rào 35 kV miền vòng lộ 372/353A (lộ 110 kV Long Bối) với lộ 371E11.4 (trạm 110 kV Hưng Hà	DNL	Các xã	Hưng Hà	450,0	400,0			50,0	Quyết định số 1060/QĐ-EVNNPC, ngày 10/5/2021 của Tổng công ty Điện lực miền Bắc	
VI	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT			1.600,0	1.600,0					
26	Trạm y tế xã	DYT	Lê Lợi	Tiền Hải	1.600,0	1.600,0				Quyết định số 90/QĐ-UBND ngày 23/7/2021 của UBND xã Vũ Lăng	
VII	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT			4.727,0	4.727,0					
27	Sân thể thao trung tâm xã	DTT	Nam An	Hồng Giang	4.727,0	4.727,0				Quyết định số 91/QĐ-UBND ngày 01/7/2021 của UBND xã Hồng Giang	
Tổng					212.726,3	182.378,7		3.107,0	27.240,6		

17/05/2021